

Số: 26 /2021/QĐ-UBND

Long An, ngày 13 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Long An**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Theo đề nghị của Hội đồng Quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Long An tại Tờ trình số 621/TTr-HĐQL ngày 23/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Long An.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2021 và thay thế Quyết định số 44/2014/QĐ-UBND ngày 23/9/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Long An và Quyết định số 56/2018/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Long An.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Long An; Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Long An;

Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội và các tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT TU; TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Phòng THKSTTHC;
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT.

PD_ĐieuleQuyĐTPTtinh.docx

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Út

A handwritten signature in black ink, consisting of a vertical line and a horizontal stroke, located at the bottom left of the page.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Long An, ngày 13 tháng 7 năm 2021

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Long An
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 26 /2021/QĐ-UBND
ngày 13 /7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, trụ sở chính

1. Tên gọi:

- a) Tên gọi đầy đủ: Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Long An.
- b) Tên giao dịch quốc tế: Long An Development Investment Fund.
- c) Tên viết tắt: LADIF.

2. Địa chỉ trụ sở chính: số 51 đường Trà Quý Bình, phường 2, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

3. Điện thoại, fax, trang điện tử:

- a) Điện thoại: 0272.3553935
- b) Fax: 0272.3570724
- c) Website: <https://ladif.longan.gov.vn>

Điều 2. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và đại diện theo pháp luật

1. Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Long An (gọi tắt là Quỹ) là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách của tỉnh do UBND tỉnh thành lập, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; thực hiện chức năng cho vay và đầu tư phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Long An theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ. UBND tỉnh thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với Quỹ.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện theo pháp luật của Quỹ là Giám đốc Quỹ.

Điều 3. Nguyên tắc và phạm vi hoạt động của Quỹ

1. Nguyên tắc hoạt động:

a) Tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước.

b) Chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi vốn điều lệ.

c) Thực hiện cho vay, đầu tư đúng đối tượng và điều kiện theo quy định tại Điều lệ này và Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

2. Phạm vi hoạt động:

a) Huy động vốn trung, dài hạn từ các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

b) Cho vay các dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

c) Đầu tư các dự án, đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và các văn bản pháp luật quy định hiện hành.

d) Ủy thác cho vay, đầu tư; nhận ủy thác quản lý các quỹ tài chính nhà nước tại địa phương, các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo quy định của luật pháp và Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

đ) Thực hiện nghiệp vụ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của UBND tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Mức vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ: 250.828.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi tỷ tám trăm hai mươi tám triệu đồng).

2. Trong quá trình hoạt động, Quỹ được tăng vốn điều lệ theo quy định hiện hành.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Quỹ

1. Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm có:

a) Hội đồng quản lý.

b) Ban kiểm soát.

c) Ban điều hành gồm: Giám đốc Quỹ, các Phó Giám đốc Quỹ, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

2. Thẩm quyền quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với người quản lý Quỹ theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 6. Hoạt động của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam tại Quỹ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định

của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác tại Quỹ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và quy định của các tổ chức đó.

Chương II **CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TRÁCH NHIỆM** **VÀ QUYỀN HẠN CỦA QUỸ**

Điều 7. Xây dựng danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ

1. Căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm, tình hình thực tế của tỉnh và quy mô hoạt động của Quỹ, hằng năm hoặc trong từng thời kỳ, Quỹ đề xuất danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh bao gồm: giáo dục, y tế, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, môi trường, năng lượng, nhà ở, văn hóa, du lịch, giao thông, các lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa và các lĩnh vực ưu tiên phát triển khác theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Trên cơ sở danh mục đề xuất của Quỹ, UBND tỉnh rà soát, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ và ban hành quyết định danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ.

Điều 8. Hoạt động đầu tư

1. Nguyên tắc và hình thức đầu tư: Việc sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để đầu tư phải tuân thủ theo quy định tại Điều lệ này và không thuộc phạm vi đầu tư công. Ngoài các quy định tại Điều lệ này, hoạt động đầu tư của Quỹ tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đất đai, pháp luật khác có liên quan.

2. Quỹ lựa chọn các hình thức đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư bao gồm:

- a) Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế.
- b) Đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế.
- c) Đầu tư theo hình thức hợp đồng (hợp đồng đầu tư theo phương thức đối tác công tư - PPP và hợp đồng hợp tác kinh doanh - BCC) hoặc thực hiện dự án đầu tư.

d) Các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật về đầu tư.

3. Quỹ không được đầu tư trong các trường hợp sau:

- a) Góp vốn, mua cổ phần, mua toàn bộ doanh nghiệp, thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh với doanh nghiệp mà người quản lý, người đại diện tại doanh nghiệp đó là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Quỹ.

b) Góp vốn cùng công ty con để đầu tư thành lập tổ chức kinh tế hoặc đầu tư theo hình thức hợp đồng.

4. Đối tượng đầu tư:

a) Đối tượng đầu tư của Quỹ là các dự án, doanh nghiệp có ngành, nghề kinh doanh chính thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay được UBND tỉnh ban hành.

b) Căn cứ vào danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay được UBND tỉnh ban hành, Quỹ lựa chọn, thẩm định, quyết định đầu tư hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư vào các dự án, doanh nghiệp đáp ứng đầy đủ điều kiện đầu tư quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này.

5. Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế:

a) Việc đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế của Quỹ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Phương án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp được đánh giá có hiệu quả và có khả năng thu hồi vốn đầu tư.

- Tổ chức kinh tế được đầu tư, góp vốn có ngành, nghề kinh doanh chính thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ được UBND tỉnh ban hành.

b) Quỹ quản lý, chuyển nhượng phần vốn góp tại các tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

6. Đầu tư theo hình thức hợp đồng và thực hiện dự án đầu tư:

a) Việc đầu tư dự án của Quỹ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Dự án được đánh giá có hiệu quả và có khả năng thu hồi vốn đầu tư.

- Dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

- Dự án tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư.

b) Quỹ có thể trực tiếp quản lý dự án đầu tư hoặc thành lập doanh nghiệp dự án để quản lý dự án đầu tư theo quy định tại điểm a Khoản này.

c) Quỹ triển khai thực hiện dự án đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, tạm ngừng, ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư và quy định của pháp luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

7. Thẩm quyền quyết định đầu tư:

a) Giám đốc Quỹ quyết định mức vốn đầu tư vào một doanh nghiệp hoặc mức vốn đầu tư vào một dự án có giá trị không quá 5% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định đầu tư.

b) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định mức vốn đầu tư vào một doanh nghiệp hoặc mức vốn đầu tư vào một dự án có giá trị từ 5% đến 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định đầu tư.

c) UBND tỉnh quyết định mức vốn đầu tư vào một doanh nghiệp hoặc mức vốn đầu tư vào một dự án có giá trị trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định đầu tư, đảm bảo đáp ứng quy định về giới hạn đầu tư quy định tại khoản 8 Điều này.

d) Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c Khoản này có thẩm quyền quyết định việc chuyển nhượng dự án đầu tư, tạm ngừng, ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư; quyết định chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế.

8. Giới hạn đầu tư:

a) Tổng giá trị giải ngân các khoản đầu tư theo quy định tại khoản 5 Điều này tối đa bằng 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn đầu tư.

b) Tổng giá trị giải ngân các khoản đầu tư theo quy định tại khoản 6 Điều này tối đa bằng 50% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn đầu tư.

c) Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn đầu tư khác với quy định của Điều lệ này thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

Điều 9. Hoạt động cho vay

1. Đối tượng và điều kiện cho vay:

a) Chủ đầu tư thuộc đối tượng cho vay của Quỹ phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đã được UBND tỉnh ban hành.

- Không là công ty con của Quỹ.

- Chủ đầu tư là pháp nhân có năng lực pháp luật dân sự theo quy định của pháp luật.

b) Điều kiện cho vay:

- Chủ đầu tư thuộc đối tượng cho vay quy định tại điểm a khoản này.

- Dự án vay vốn được Quỹ thẩm định, đánh giá là dự án có hiệu quả, chủ đầu tư có khả năng trả được nợ vay.

- Dự án vay vốn tuân thủ quy định của pháp luật đầu tư.

- Chủ đầu tư mua bảo hiểm tài sản tại một doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam đối với tài sản bảo đảm tiền vay thuộc đối tượng bắt buộc mua bảo hiểm.

2. Thời hạn cho vay:

a) Quỹ quyết định thời hạn cho vay đối với từng dự án trên cơ sở kết quả thẩm định, khả năng thu hồi vốn của dự án, khả năng trả nợ của chủ đầu tư nhưng tối đa là 15 năm.

b) Trường hợp cho vay vượt quá thời hạn cho vay tối đa theo quy định tại điểm a Khoản này, Quỹ thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Lãi suất cho vay:

a) Lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ được xác định theo nguyên tắc không thấp hơn lãi suất huy động bình quân của các nguồn vốn huy động, có tính đến chi phí cơ hội của nguồn vốn chủ sở hữu, đảm bảo bù đắp chi phí quản lý, chi phí trích lập dự phòng rủi ro cho vay và các chi phí khác có liên quan đến hoạt động cho vay.

b) Định kỳ hằng năm hoặc trong từng thời kỳ, căn cứ nguyên tắc xác định lãi suất cho vay tối thiểu quy định tại điểm a Khoản này, Giám đốc Quỹ tính toán, trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua để báo cáo UBND tỉnh ra quyết định ban hành mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ.

c) Quỹ quyết định mức lãi suất cho vay đối với từng dự án cụ thể, nhưng không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu do UBND tỉnh quyết định theo quy định tại điểm b Khoản này.

d) Đối với dự án sử dụng nguồn vốn của nhà tài trợ quốc tế có quy định về lãi suất cho vay khác với quy định tại Điều lệ này thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

4. Bảo đảm tiền vay:

a) Tùy thuộc vào từng dự án cụ thể, Quỹ xem xét, sử dụng các biện pháp đảm bảo tiền vay theo quy định của pháp luật về bảo đảm tiền vay.

b) Quỹ được xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật và hợp đồng tín dụng ký giữa Quỹ và chủ đầu tư vay vốn.

5. Quy định về cho vay hợp vốn:

a) Quỹ được làm đầu mối hoặc tham gia cho vay hợp vốn với các Quỹ đầu tư phát triển địa phương khác, với tổ chức tín dụng hoặc tổ chức khác để cho vay dự án.

b) Dự án cho vay phải thuộc đối tượng cho vay của các Quỹ tham gia, đồng thời đáp ứng các điều kiện cho vay và giới hạn cho vay theo quy định tại khoản 1 và khoản 7 Điều này.

c) Việc cho vay hợp vốn được thực hiện theo hợp đồng ký kết giữa các bên, trong đó nêu rõ điều kiện, điều khoản cho vay, thẩm quyền cho vay, việc xử lý rủi ro theo quy định tại Điều lệ này.

d) Lãi suất cho vay do các bên tham gia cho vay quyết định, được ghi trong hợp đồng và không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu của từng Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều này.

6. Thẩm quyền quyết định cho vay:

a) Giám đốc Quỹ quyết định cho vay có giá trị không quá 5% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính tại thời điểm quyết định cho vay đối với 01 dự án.

b) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định cho vay có giá trị từ 5% đến không quá 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính tại thời điểm quyết định cho vay đối với 01 dự án.

c) UBND tỉnh quyết định cho vay có giá trị trên 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính tại thời điểm quyết định cho vay đối với 01 dự án, đảm bảo đáp ứng quy định về giới hạn cho vay quy định tại khoản 7 Điều này.

7. Giới hạn cho vay:

a) Giới hạn cho vay đối với một dự án tại thời điểm giải ngân không vượt quá 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn.

b) Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng của Quỹ không được vượt quá 25% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn.

c) Đối với một dự án, trường hợp Quỹ vừa cho vay vừa đầu tư thì tổng giới hạn đầu tư và cho vay tại thời điểm giải ngân không vượt quá 30% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn.

d) Đối với dự án sử dụng nguồn vốn của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn cho vay khác với quy định của Điều lệ này thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

8. Phân loại nợ, trích lập quỹ dự phòng rủi ro và xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay: thực hiện theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ.

9. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và bán nợ:

a) Quỹ xem xét, quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ gồm điều chỉnh kỳ hạn trả nợ và gia hạn nợ trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư, khả năng tài chính của Quỹ và kết quả đánh giá của Quỹ về khả năng trả nợ của chủ đầu tư. Việc cơ

cấu lại thời hạn trả nợ phải đảm bảo thời hạn cho vay sau khi cơ cấu lại đáp ứng quy định về thời hạn cho vay theo quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Quỹ được bán nợ phát sinh từ nghiệp vụ cho vay. UBND tỉnh quyết định trường hợp bán nợ với giá thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản nợ.

c) Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và bán nợ của Quỹ theo quy định tại điểm a và điểm b Khoản này thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với tổ chức tín dụng.

Điều 10. Nhận ủy thác

1. Quỹ được nhận ủy thác quản lý nguồn vốn đầu tư; cho vay và thu hồi nợ; cấp phát vốn đầu tư cho các công trình, dự án từ ngân sách nhà nước, từ các ngân hàng chính sách, từ các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nhận ủy thác quản lý nguồn vốn, hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Long An.

2. Việc nhận ủy thác của Quỹ thực hiện theo quyết định của UBND tỉnh hoặc hợp đồng nhận ủy thác ký kết giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân ủy thác. Quyết định/hợp đồng nhận ủy thác bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

a) Tên, địa chỉ, tư cách pháp nhân, người đại diện pháp luật của bên ủy thác (nếu có) và bên nhận ủy thác (Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Long An).

b) Mục đích ủy thác; nội dung ủy thác.

c) Số vốn ủy thác; thời hạn ủy thác; chi phí ủy thác.

d) Đối tượng thụ hưởng; trách nhiệm thẩm định và giám sát hoạt động ủy thác; trách nhiệm xử lý rủi ro của bên ủy thác.

đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên; xử lý các trường hợp chấm dứt văn bản ủy thác trước thời hạn; điều khoản về xử lý vi phạm (nếu có).

e) Các nội dung khác do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Quỹ có trách nhiệm hạch toán tách bạch vốn nhận ủy thác và tài sản hình thành từ vốn nhận ủy thác (nếu có) với nguồn vốn hoạt động và tài sản của Quỹ. Hoạt động nhận ủy thác của Quỹ phải đảm bảo không ảnh hưởng đến các hoạt động khác theo chức năng, nhiệm vụ của Quỹ.

Điều 11. Ủy thác

1. Quỹ được ủy thác hoạt động nghiệp vụ cho các tổ chức tín dụng và các ngân hàng chính sách thực hiện. Việc ủy thác phải được thực hiện bằng văn bản ủy thác giữa Quỹ với tổ chức nhận ủy thác.

2. Các tổ chức nhận ủy thác được trả chi phí dịch vụ ủy thác theo mức ghi tại văn bản ủy thác.

Điều 12. Hoạt động huy động vốn

1. Quỹ được huy động các nguồn vốn trung và dài hạn theo các hình thức sau đây:

a) Vay các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Việc vay vốn nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về vay nợ nước ngoài.

b) Phát hành trái phiếu Quỹ.

c) Các hình thức huy động vốn trung và dài hạn khác theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ được nhận các khoản đặt cọc và ký cược theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tổng mức vốn huy động của Quỹ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tối đa bằng 06 lần vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính năm hoặc báo cáo tài chính bán niên tại thời điểm gần nhất.

Điều 13. Phát hành trái phiếu Quỹ

1. Quỹ phát hành trái phiếu theo hình thức riêng lẻ tại thị trường trong nước theo nguyên tắc tự vay, tự trả, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo khả năng trả nợ.

2. Điều kiện chào bán trái phiếu riêng lẻ của Quỹ:

a) Quỹ được UBND tỉnh đánh giá xếp loại hoạt động có hiệu quả năm trước liền kề của năm phát hành theo quy định tại Điều lệ này và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

b) Đảm bảo tuân thủ quy định về nhà đầu tư mua và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định của pháp luật về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

c) Có phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ được UBND tỉnh phê duyệt trong đó nêu cụ thể về mục đích sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu và nguồn bố trí trả nợ gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn.

d) Thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành hoặc thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đợt phát hành trái phiếu (nếu có), trừ trường hợp phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn.

đ) Đáp ứng các giới hạn đầu tư, cho vay, huy động vốn theo quy định tại Điều lệ này.

3. Điều kiện, điều khoản cơ bản của trái phiếu, đối tượng mua và giao dịch trái phiếu, quy trình, hồ sơ, phương án phát hành, phương thức phát hành, việc đăng ký, lưu ký trái phiếu, công bố thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước.

Điều 14. Trách nhiệm, quyền hạn của Quỹ

1. Trách nhiệm của Quỹ:

- a) Thực hiện đầu tư, cho vay theo danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay được UBND tỉnh ban hành.
- b) Thực hiện chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán và báo cáo theo quy định.
- c) Tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.
- d) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định; cung cấp số liệu, công bố công khai về tình hình tài chính theo quy định của pháp luật.
- đ) Tuân thủ quy định tại Nghị định 147/2020/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ.

2. Quyền hạn của Quỹ:

- a) Tổ chức hoạt động theo quy định của Nghị định 147/2020/NĐ-CP, Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ và quy định của pháp luật có liên quan.
- b) Được lựa chọn các dự án đáp ứng đủ điều kiện để đầu tư, cho vay theo quy định tại Nghị định 147/2020/NĐ-CP.
- c) Được tuyển chọn, bố trí, đào tạo và sử dụng lao động theo quy định tại Nghị định 147/2020/NĐ-CP; Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ và các quy định của pháp luật có liên quan.
- d) Được từ chối yêu cầu cung cấp thông tin hoặc sử dụng nguồn lực của Quỹ, nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật.
- đ) Được liên hệ, phối hợp với các cơ quan chức năng, các đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh để tìm kiếm, xây dựng các dự án đầu tư.
- e) Được yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu, hồ sơ về tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh để xem xét quyết định cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp; trực tiếp thẩm định phương án tài chính, hiệu quả đầu tư của các dự án; định giá tài sản đảm bảo tiền vay; phân tích, đánh giá và giám sát quá trình triển khai thực hiện dự án.
- g) Được thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn để xem xét, thẩm định một phần hoặc toàn bộ các dự án Quỹ cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp, định giá tài sản đảm bảo tiền vay.
- h) Được kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân vay vốn tại Quỹ; tình hình tài sản đảm bảo tiền vay; tình hình quản lý sử dụng nguồn vốn Quỹ cho vay, đầu tư cũng như các vấn đề liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư.
- i) Được đình chỉ hoặc báo cáo cấp thẩm quyền quyết định đình chỉ việc

cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp; thu hồi các khoản cho vay, đầu tư trực tiếp trước thời hạn nếu có đầy đủ chứng cứ chứng minh đối tượng sử dụng vốn không đúng mục đích, vi phạm hợp đồng hoặc vi phạm pháp luật.

k) Có quyền từ chối tài trợ, hợp tác, cho vay, đầu tư vốn nếu xét thấy trái quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ.

l) Khi đến hạn trả nợ, nếu chủ đầu tư không trả được nợ thì Quỹ được quyền xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

m) Được cho thuê, thế chấp, cầm cố, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật.

Chương III

THỰC HIỆN CÁC CHỨC NĂNG CỦA QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 15. Nguồn vốn

Vốn hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường (Quỹ BVMT) được hình thành từ các nguồn sau:

1. Vốn điều lệ do ngân sách nhà nước cấp ban đầu là 10 tỷ đồng phân bổ từ nguồn vốn kinh phí sự nghiệp môi trường của tỉnh. Việc thay đổi vốn điều lệ của Quỹ Bảo vệ môi trường do UBND tỉnh quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ sau khi thống nhất với Sở Tài chính.

2. Nguồn vốn bổ sung hằng năm từ các nguồn khác, bao gồm:

a) Cấp bổ sung từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường để bù đắp khoản hỗ trợ tài chính cho các chương trình, dự án, hoạt động bảo vệ môi trường đã thực hiện hằng năm.

b) Các loại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải; phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản và một số loại phí khác theo quy định của pháp luật.

c) Các khoản bồi thường thiệt hại về môi trường thu vào ngân sách nhà nước.

d) Các khoản viện trợ, tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện, ủy thác đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho hoạt động bảo vệ môi trường.

đ) Các nguồn vốn bổ sung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Sử dụng vốn

Vốn hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường phải được sử dụng cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ tài chính cho các chương trình, dự án hoạt động bảo vệ môi trường đúng mục đích, có hiệu quả và đúng quy định.

Điều 17. Cho vay với lãi suất ưu đãi

1. Đối tượng được vay vốn là các tổ chức có dự án về hoạt động bảo vệ

môi trường phù hợp với mục tiêu cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường; phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm môi trường và nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

Hàng năm hoặc từng thời kỳ, căn cứ vào khả năng nguồn vốn của Quỹ BVMT dùng cho vay các dự án về hoạt động môi trường, Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định danh mục ưu tiên và tiêu chí lựa chọn cho vay đối với từng nhóm đối tượng và chương trình, dự án, hoạt động bảo vệ môi trường.

2. Điều kiện vay vốn:

- a) Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.
- b) Có dự án, phương án sản xuất kinh doanh khả thi, đảm bảo hoàn trả nợ gốc, lãi vay.
- c) Có hồ sơ vay vốn theo quy định và được Quỹ thẩm định và chấp thuận.
- d) Cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích và chấp thuận các quy định của Quỹ trong việc hoàn trả vốn và lãi vay đúng hạn.
- đ) Thực hiện các quy định về đảm bảo tiền vay theo quy định của pháp luật và các văn bản hiện hành.

3. Thời hạn cho vay:

Thời hạn cho vay được xác định phù hợp với nguồn vốn của Quỹ BVMT dùng cho vay các dự án về hoạt động môi trường, điều kiện cụ thể của chương trình, dự án, hoạt động và khả năng trả nợ của người vay, nhưng không quá 05 (năm) năm kể từ ngày giải ngân cho vay lần đầu của dự án vay vốn.

4. Lãi suất cho vay là lãi suất ưu đãi với mức tối đa không vượt quá 50% lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành. Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định mức lãi suất cho vay cụ thể trong từng thời kỳ và cho từng nhóm đối tượng.

5. Mức vốn cho vay: Quỹ cho vay không vượt quá 70% tổng mức đầu tư của chương trình, dự án, hoạt động bảo vệ môi trường. Giới hạn cho vay của một chương trình, dự án, hoạt động bảo vệ môi trường hoặc một khách hàng không vượt quá 70% nguồn vốn của Quỹ BVMT dùng cho vay các dự án về hoạt động môi trường.

6. Đảm bảo tiền vay, giải ngân vốn vay, kiểm tra sử dụng vốn vay, thu hồi nợ vay, gia hạn nợ, cơ cấu nợ, chuyển nợ quá hạn, trích lập dự phòng rủi ro và các thủ tục xử lý rủi ro theo quy định hiện hành của Quỹ và văn bản pháp luật.

Điều 18. Hỗ trợ tài chính

1. Đối tượng được hỗ trợ tài chính là các tổ chức, cá nhân có chương trình, dự án, hoạt động bảo vệ môi trường cần thiết, đột xuất, có ý nghĩa quan trọng đối với sự nghiệp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững của tỉnh, không nằm trong kế hoạch của các sở, ngành tỉnh và ủy ban nhân dân các cấp,

bao gồm:

a) Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; phổ cập kiến thức bảo vệ môi trường cho cộng đồng; khen thưởng các hoạt động bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân và cộng đồng.

b) Xây dựng, thử nghiệm, phổ biến và nhân rộng các mô hình cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường.

c) Các dự án về xử lý chất thải, cải tạo môi trường để phục vụ cuộc sống, bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

d) Thiết kế các chương trình, dự án nhằm vận động sự tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho bảo vệ môi trường.

đ) Đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ thân thiện với môi trường, sản xuất sạch, các giải pháp phòng chống, hạn chế và khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường.

2. Mức hỗ trợ tài chính theo nguồn kinh phí được cấp, tài trợ, viện trợ và các nguồn vốn khác theo quy định pháp luật về đầu tư, bảo vệ môi trường của chương trình, dự án, hoạt động.

3. Danh mục, mức hỗ trợ tài chính cho các chương trình, dự án, hoạt động bảo vệ môi trường do Hội đồng Quản lý Quỹ trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 19. Nhận ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường, ký quỹ bảo đảm phế liệu nhập khẩu

1. Đối tượng ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản: Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Long An theo quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản:

a) Nộp tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản tại Quỹ theo quy định của pháp luật.

b) Tiền ký quỹ được hưởng lãi suất tính từ thời điểm ký quỹ theo quy định hiện hành.

c) Tổ chức, cá nhân chỉ được rút tiền lãi suất sau khi có giấy xác nhận hoàn thành toàn bộ nội dung phương án hoặc phương án bổ sung cải tạo, phục hồi môi trường.

3. Sử dụng tiền ký quỹ:

Bên nhận ký quỹ không được sử dụng tiền ký quỹ để cho vay và thực hiện các mục đích khác.

4. Sử dụng tiền lãi từ gửi tiền ký quỹ:

a) Toàn bộ tiền lãi gửi ngân hàng từ gửi tiền ký quỹ được hạch toán vào doanh thu hoạt động nghiệp vụ của bên nhận ký quỹ.

b) Toàn bộ tiền lãi ký quỹ phải trả cho bên ký quỹ được hạch toán vào chi phí hoạt động nghiệp vụ của bên nhận ký quỹ.

5. Trách nhiệm của Quỹ:

a) Tiếp nhận tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản của tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản.

b) Xác nhận đã ký quỹ cho tổ chức, cá nhân và gửi cho cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án hoặc phương án bổ sung, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường địa phương.

c) Hoàn trả tiền ký quỹ và lãi suất tiền ký quỹ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định.

d) Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng tiền ký quỹ và hằng năm báo cáo cấp thẩm quyền theo đúng quy định hiện hành.

đ) Đôn đốc các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản ký quỹ đúng hạn, kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm quy định về nộp tiền ký quỹ.

6. Trình tự, thủ tục nhận ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Ký quỹ bảo đảm phế liệu nhập khẩu: Việc ký quỹ bảo đảm phế liệu nhập khẩu được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Chương IV

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT QUỸ

Mục 1

HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

Điều 20. Hội đồng quản lý

1. Hội đồng Quản lý Quỹ là tổ chức cao nhất của Quỹ, quyết định chủ trương, phương hướng hoạt động của Quỹ. Hội đồng Quản lý Quỹ có 5 (năm) thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh kiêm nhiệm.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý và thành viên Hội đồng quản lý là đại diện lãnh đạo các sở, ngành: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh Long An và Giám đốc Quỹ.

2. Các thành viên của Hội đồng quản lý hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ là 05 (năm) năm. Hết nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản lý có thể được bổ nhiệm lại.

Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý

1. Hội đồng quản lý có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; bảo toàn và phát triển vốn của Quỹ.

b) Thông qua kế hoạch hoạt động 05 năm và kế hoạch tài chính hằng năm của Quỹ để trình UBND tỉnh phê duyệt.

c) Ban hành hoặc sửa đổi quy chế hoạt động nghiệp vụ và các quy chế khác của Quỹ.

d) Giám sát, kiểm tra bộ máy điều hành của Quỹ trong việc chấp hành các chính sách và pháp luật và việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý.

đ) Thông qua danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay và mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ để trình UBND tỉnh quyết định theo quy định.

e) Quyết định hoạt động cho vay, đầu tư, phương án huy động vốn và xử lý rủi ro thuộc thẩm quyền.

g) Thông qua báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi, trích lập các quỹ hằng năm của Quỹ sau khi có ý kiến thẩm định của Ban Kiểm soát để trình UBND tỉnh phê duyệt.

h) Trình UBND tỉnh quyết định ban hành sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

i) Quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ này.

k) Ban hành hoặc sửa đổi Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ đối với các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

l) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này.

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ tiếp nhận vốn điều lệ do ngân sách cấp và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ.

b) Phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

c) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản lý Quỹ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

d) Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý.

đ) Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; có quyền hủy bỏ các Quyết định của Giám đốc Quỹ

trái với Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ, quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

e) Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền Chủ tịch Hội đồng. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về các nhiệm vụ được ủy quyền.

g) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tham dự cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ, thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng.

b) Yêu cầu Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý Quỹ cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình hoạt động của Quỹ để phục vụ công tác. Người được yêu cầu phải cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác.

c) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Quỹ và UBND tỉnh.

c) Trung thành với lợi ích của Quỹ, không sử dụng thông tin hoạt động của Quỹ hoặc lợi dụng chức vụ và tài sản của Quỹ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của người khác.

Điều 22. Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu thành viên Hội đồng quản lý Quỹ

1. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

b) Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất 05 năm là người quản lý, điều hành về một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán.

c) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Quỹ.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện của Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý:

a) Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh nghiệm về một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán.

b) Đáp ứng các tiêu chuẩn tại điểm a, c khoản 1 Điều này.

Điều 23. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý

1. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ 3 tháng một lần để xem xét, quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng; họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc theo đề nghị Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc Quỹ được Chủ tịch Hội đồng quản lý chấp thuận.

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự; thành viên vắng mặt phải thông báo lý do. Cuộc họp do Chủ tịch Hội đồng hoặc một thành viên khác được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền (khi Chủ tịch Hội đồng vắng mặt) làm chủ tọa. Trường hợp cấp bách không tổ chức họp, việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ phải được thực hiện bằng văn bản.

3. Tài liệu họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được Quỹ chuẩn bị và gửi tới các thành viên Hội đồng tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày họp.

4. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo nguyên tắc đa số bằng biểu quyết, mỗi thành viên Hội đồng có một phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có hiệu lực khi có trên năm mươi phần trăm (50%) trong tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc người chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

5. Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết luận và kết quả biểu quyết của các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ phải ghi chép đầy đủ trong biên bản cuộc họp. Các kết luận của các cuộc họp được thể hiện bằng Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ gửi tới tất cả thành viên Hội đồng quản lý Quỹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan để triển khai thực hiện.

6. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có tính bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ và Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện. Giám đốc Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền; trong thời gian chưa có quyết định của UBND tỉnh, Giám đốc Quỹ phải chấp hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

Mục 2

BAN KIỂM SOÁT QUỸ

Điều 24. Ban kiểm soát Quỹ

1. Ban Kiểm soát Quỹ giúp UBND tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ kiểm soát việc tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu và việc quản lý điều hành tại Quỹ. Ban Kiểm soát Quỹ gồm 03 (ba) thành viên: 01 Trưởng ban phụ trách và 02 thành viên.

2. Thành viên Ban kiểm soát Quỹ được cơ cấu là cán bộ, công chức đang công tác tại các sở, ngành.

3. Các thành viên Ban kiểm soát Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát Quỹ là 05 (năm) năm. Hết nhiệm kỳ thành viên Ban kiểm soát có thể được bổ nhiệm lại.

Điều 25. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát Quỹ

1. Nhiệm vụ của Ban Kiểm soát:

a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chính sách chế độ, Điều lệ tổ chức hoạt động và các quy chế hoạt động, nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động và an toàn tài sản của Quỹ.

b) Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ.

c) Thẩm định báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi và việc trích lập các quỹ, báo cáo tình hình thực hiện tiền lương và tiền thưởng theo quy định của pháp luật.

d) Lập kế hoạch thực hiện; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác giám sát, kiểm tra; thực hiện nhiệm vụ khác do Hội đồng quản lý và UBND tỉnh giao.

2. Ban kiểm soát Quỹ có các quyền hạn sau:

a) Được yêu cầu cung cấp thông tin, tiếp cận hồ sơ, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động và tài chính của Quỹ.

b) Được tham dự các cuộc họp giao ban, họp Hội đồng quản lý Quỹ, họp Ban Giám đốc, họp chuyên đề có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Khi tham dự các cuộc họp, Ban kiểm soát có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết.

c) Được sử dụng con dấu của Quỹ cho các văn bản, hồ sơ, tài liệu thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát. Quỹ phối hợp với Ban kiểm soát xây dựng quy chế sử dụng con dấu bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật.

3. Ban kiểm soát Quỹ có các trách nhiệm sau đây:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ này và các Quyết định, Nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ và UBND tỉnh trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Quỹ.

c) Trung thành với lợi ích của Quỹ; quản lý và bảo mật thông tin theo quy định của Quỹ; không lợi dụng quyền hạn được giao để gây cản trở hoạt động của Quỹ; không lợi dụng thông tin, tài sản của Quỹ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d) Thường xuyên nắm bắt tình hình, thu thập thông tin, báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho UBND tỉnh về hoạt động của Quỹ theo chế độ quy định.

đ) Các trách nhiệm khác theo quy định của Hội đồng quản lý Quỹ và UBND tỉnh.

Điều 26. Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu thành viên Ban kiểm soát Quỹ

1. Trưởng Ban kiểm soát Quỹ do UBND tỉnh quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Các thành viên của Ban kiểm soát do Hội đồng quản lý Quỹ quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đủ năng lực hành vi dân sự.

b) Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất 03 năm về một trong các lĩnh vực tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng.

c) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Quỹ.

d) Không đồng thời giữ chức vụ quản lý, điều hành, nhân viên của Quỹ.

4. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ban kiểm soát:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn tại điểm a, d khoản 3 Điều này.

b) Có trình độ đại học trở lên và có kinh nghiệm về một trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng.

c) Các điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Quỹ.

5. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những

trường hợp sau:

- a) Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban kiểm soát hoặc tiêu chuẩn, điều kiện của Trưởng Ban kiểm soát.
- b) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố, bị toà án kết án bằng bản án.
- c) Lợi dụng quyền hạn để gây cản trở hoạt động của Quỹ, không thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao, vi phạm nghiêm trọng các quy chế của Quỹ, quy định của Điều lệ này và các quy định của pháp luật liên quan đến mức bị kỷ luật.
- d) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật.
- đ) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác.
- e) Nghỉ hưu.
- g) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của cấp có thẩm quyền.

Mục 3 **GIÁM ĐỐC QUỸ**

Điều 27. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Hội đồng quản lý và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ.
2. Nhiệm kỳ của Giám đốc Quỹ là 05 (năm) năm, hết nhiệm kỳ có thể xem xét bổ nhiệm lại.
3. UBND tỉnh quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Giám đốc Quỹ.

Điều 28. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ

- a) Tổ chức điều hành hoạt động hằng ngày của Quỹ theo chiến lược, mục tiêu, kế hoạch của Quỹ, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Quỹ, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và UBND tỉnh.
- b) Trình Hội đồng quản lý ban hành các quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ theo thẩm quyền.
- c) Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh của bộ máy giúp việc (trưởng hoặc phó phòng/ban nghiệp vụ) và người lao động.
- d) Trực tiếp quản lý tài sản, vốn hoạt động và chịu trách nhiệm về các

quyết định của mình trước UBND tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ.

đ) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Hội đồng quản lý và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ.

Điều 29. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc Quỹ

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

2. Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh nghiệm ít nhất 05 năm về một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, đầu tư, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán.

3. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Quỹ hoặc Thủ quỹ.

4. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của UBND tỉnh và phù hợp với quy định của pháp luật.

Mục 4

PHÓ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ BỘ MÁY NGHIỆP VỤ

Điều 30. Phó Giám đốc Quỹ

1. Phó Giám đốc Quỹ có nhiệm vụ giúp Giám đốc Quỹ điều hành hoạt động của Quỹ theo phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

2. Phó Giám đốc Quỹ do Giám đốc Quỹ đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm.

Điều 31. Tiêu chuẩn và điều kiện của Phó Giám đốc

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

2. Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh về một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, đầu tư, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán.

3. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Quỹ hoặc Thủ quỹ.

5. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của UBND tỉnh và phù hợp với quy định của pháp luật.

6. Thời hạn bổ nhiệm là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Phó

Giám đốc theo quy định hiện hành.

Điều 32. Kế toán trưởng

1. Kế toán trưởng Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán của Quỹ, giúp Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ giám sát tài chính tại Quỹ theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền, thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác được quy định theo Luật Kế toán và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế và các văn bản hướng dẫn (nếu có).

2. Kế toán trưởng Quỹ phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Luật Kế toán, các văn bản hướng dẫn, văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

3. Kế toán trưởng do Giám đốc Quỹ đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ xem xét trình UBND tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm.

4. Thời hạn là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Kế toán trưởng theo quy định hiện hành.

Điều 33. Bộ máy giúp việc

1. Các phòng nghiệp vụ của Quỹ do UBND tỉnh quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ giao.

3. Công tác quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật lãnh đạo các phòng nghiệp vụ thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Lãnh đạo các phòng nghiệp vụ và người lao động làm nhiệm vụ chuyên môn chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 34. Tuyển dụng lao động

Việc tuyển dụng lao động của Quỹ thực hiện theo quy trình tuyển dụng lao động của Quỹ và quy định của pháp luật hiện hành về tuyển dụng lao động.

Điều 35. Chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, báo cáo và giám sát đánh giá hiệu quả hoạt động

1. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Báo cáo tài chính năm của Quỹ phải được kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cơ chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp của người quản lý,

người lao động Quỹ thực hiện theo quy định áp dụng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn và hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Việc xếp hạng Quỹ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4. Kết quả hoạt động của Quỹ là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập khác và tổng chi phí hợp lý, hợp lệ. Sau khi nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế, phần chênh lệch này được phân phối như sau:

- a) Bù đắp khoản chênh lệch thu chi âm đến thời điểm quyết toán.
- b) Trích 30% vào quỹ đầu tư phát triển.
- c) Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính; khi số dư quỹ bằng 25% vốn điều lệ của Quỹ thì không trích nữa.
- d) Trích tối đa không quá 03 tháng lương thực hiện của người lao động vào quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi; trích tối đa không quá 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý vào quỹ thưởng người quản lý.
- đ) Phần chênh lệch còn lại được tiếp tục bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển để bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ.

5. Hằng năm, UBND tỉnh phê duyệt báo cáo quyết toán chênh lệch thu chi của Quỹ. Báo cáo quyết toán chênh lệch thu chi của Quỹ phải kèm theo thuyết minh đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của Quỹ theo quy định tại Điều 65 Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

6. Quỹ thực hiện giám sát đánh giá hiệu quả hoạt động theo quy định của Nghị định 147/2020/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Chương V

XỬ LÝ TRANH CHẤP, CƠ CẤU LẠI, GIẢI THỂ, QUY TRÌNH SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 36. Xử lý tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 37. Cơ cấu lại, giải thể Quỹ

1. Việc tổ chức lại, sáp nhập, thành lập mới các đơn vị, phòng nghiệp vụ thuộc bộ máy điều hành của Quỹ do UBND tỉnh quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản lý.

2. Việc giải thể Quỹ được thực hiện theo quy định tại Chương V Nghị định số 147/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 38. Quy trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do UBND tỉnh xem xét, quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ. Quy trình thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Mối quan hệ và trách nhiệm giữa Quỹ với các các sở, ngành liên quan

1. Các Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Long An cùng phối hợp thực hiện quản lý hoạt động cho vay, đầu tư của Quỹ theo quy định trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện chức năng quản lý nhà nước, hướng dẫn thực hiện về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng, xếp hạng và xếp lương đối với Quỹ phù hợp với hoạt động của Quỹ.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 40. Điều khoản chuyển tiếp

Các dự án cho vay, đầu tư của Quỹ đã được ký kết hợp đồng trước khi Điều lệ này có hiệu lực thi hành tiếp tục thực hiện theo quy định tại Quyết định số 44/2014/QĐ-UBND ngày 23/9/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Long An và Quyết định số 56/2018/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Long An cho đến khi hoàn thành việc thanh lý hợp đồng theo quy định. Trường hợp sửa đổi, bổ sung các hợp đồng này thì thực hiện theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 41. Tổ chức thực hiện

1. Các quy chế, quy định nội bộ của Quỹ phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều lệ này.

2. Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát, bộ máy điều hành của Quỹ và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm Điều lệ này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Út